TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-DS	*VX, ngày 24 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 6 điều 19; khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N** – Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số nhà 479, tổ 04, thị trấn V, huyện Q, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Doanh nghiệp.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị L** – Sinh năm: 1964.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 64, tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh G.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Doanh nghiệp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về phần tranh chấp: Bà Trần Thị N và bà Trần Thị L thỏa thuận bà Trần Thị L phải thanh toán số tiền gốc đã vay cho bà Trần Thị N là 305.000.000đ (Ba trăm linh năm triệu đồng). Phương thức thanh toán tiền là trả 01 lần vào ngày 30/5/2018. Người nhận tiền là bà Trần Thị N – Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Số nhà 64, tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh G.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- ***Về án phí:*** Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 7.625.000^{đ} (bằng chữ: Bảy triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch là: 7.625.000^{đ} (bằng chữ: Bảy triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01900 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Anh Luyện